



Tiểu thuyết *Chùm nho phần nộ* của John Steinbeck và những “đối thoại” để ngỏ

Hoàng Thị Thập^{a*}

^aTrường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

*Email: hoangthapsptn@gmail.com

Thông tin bài viết

Ngày nhận bài:

16/02/2018

Ngày duyệt đăng:

10/3/2018

Từ khoá:

Chùm nho phần nộ; tiểu thuyết; ý nghĩa; đối thoại; câu hỏi; câu trả lời.

Tóm tắt

Chùm nho phần nộ (1939) là một trong những tiểu thuyết thành công nhất của nhà văn John Steinbeck. Tác phẩm gồm 30 chương, phản ánh hiện thực Mỹ những năm đầu thế kỷ XX. Đây là tác phẩm góp phần quan trọng thuyết phục Viện Hàn lâm Thụy Điển trao giải Nobel văn chương năm 1962 cho sự nghiệp văn học của J. Steinbeck. Tại sao chúng ta vẫn tiếp tục nghiên cứu tác phẩm *Chùm nho phần nộ*? Đây là câu hỏi mà giới nghiên cứu văn học thế kỷ XXI đặt ra. Sự hấp dẫn của tác phẩm nằm trong cách viết của nhà văn. John Steinbeck đã tạo ra *Chùm nho phần nộ* như văn bản đối thoại. Bằng sự kết hợp thể loại phóng sự trong tiểu thuyết, ông đã đối thoại với văn học truyền thống về thể loại tiểu thuyết. Trong quan niệm của ông, tiểu thuyết hiện đại cần thay đổi. Trong tác phẩm này, ông cũng đối thoại với tôn giáo và lịch sử. Những bản thảo của John Steinbeck trong *Chùm nho phần nộ* như những câu hỏi chưa có câu trả lời. Nó buộc người đọc phải nghiên cứu, giải thích, tìm nghĩa. Vì vậy, *Chùm nho phần nộ* không phải là tác phẩm chứng minh cho lịch sử mà đa nghĩa, chuyển tải những vấn đề nhân loại.

Tiểu thuyết *Chùm nho phần nộ* (*The grapes of wrath*, 1939) được nhà văn Mỹ John Steinbeck (1902 - 1968) viết vào những năm sau khủng hoảng kinh tế 1929 -1933. Ngay sau khi tác phẩm được xuất bản năm 1939, trong giới nghiên cứu phê bình văn học đã diễn ra cuộc tranh luận gay gắt, kéo dài về nó. Bên cạnh những ý kiến đề cao giá trị văn chương cũng không ít ý kiến đánh giá ngược lại. Từ góc độ tư tưởng xã hội, *Chùm nho phần nộ* bị cả hai phái tư tưởng tả, hữu công kích dữ dội, thậm chí bị đốt bỏ ở bang California, nơi tác phẩm ra đời. Dầu vậy, qua quá trình tiếp nhận, giá trị của *Chùm nho phần nộ* đã khẳng định. Tác phẩm này góp phần quan trọng thuyết phục Viện Hàn lâm Thụy Điển trao giải Nobel văn chương năm 1962 cho sự nghiệp văn học của J. Steinbeck.

Ra đời đã gần 80 năm, đến nay, thập kỷ thứ hai của thế kỷ XXI, *Chùm nho phần nộ* vẫn luôn được xếp vào hàng các tiểu thuyết hiện đại xuất sắc. Giống như mọi tác

phẩm văn học kinh điển khác, những tầng nghĩa dưới lớp ngôn từ của tác phẩm, giống như trầm tích, tiếp tục khiến độc giả và giới nghiên cứu tìm tòi, khám phá. Đáng chú ý là ở chỗ: câu chuyện về gia đình Joad, một tiểu chủ mất đất đai trong khủng hoảng kinh tế, phải rời bỏ quê nhà đến miền đất hứa California để rồi chết mòn trong đói khát, bệnh tật... không chỉ hấp dẫn giới nghiên cứu văn học mà cả các nhà sử học, xã hội học... Với các nhà nghiên cứu văn học, câu hỏi mà họ bản thảo nhất đã được Tetsumaro Hayashi, phê bình gia người Mỹ chuyên về J. Steinbeck đặt ra: “Tại sao chúng ta vẫn nghiên cứu tiểu thuyết *Chùm nho phần nộ* của Steinbeck, tác phẩm hầu như chỉ nói về các sự kiện của một thời?” [2; Tr.4]. Trong hội thảo về J. Steinbeck năm 2010, câu hỏi đó lại được nhà nghiên cứu Susan Shillinglaw đưa ra như một phân đề để đi đến khẳng định tính chất động và phức điệu của tiểu thuyết J. Steinbeck. Năm 2016, trên mục *Steinbeck ngày nay* (*Steinbeck Today*, (2016), *Steinbeck Study*, Vol. 7, No.10), Melvyn Bragg đã chỉ ra: “Với *Chùm*

nho phần nô, Steinbeck đã đề cập đến vấn đề nhân loại mà hôm nay chúng ta vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức giống nhau: an ninh tài chính, thất nghiệp, thay đổi môi trường quyết liệt, bạo lực, di cư... Khả năng của chúng ta là gì? Ai là người giải quyết những vấn đề này? Steinbeck đã nói với chúng ta về những chuyện đó: khả năng con người vượt qua hoàn cảnh âm ảm cũng như sự bất lực của nhân loại” [1, Tr.93]. Lý giải của Melvyn Bragg khá xác đáng nhưng chắc chắn chưa phải là cách hiểu duy nhất đúng. Những bản thảo của Tetsumaro Hayashi, Susan Shillinglaw ... vẫn cho thấy dấu ấn, nổi ám ảnh và sự lan tỏa của nổi ám ảnh J. Steinbeck trong độc giả và giới nghiên cứu. Vậy, điều gì của *Chùm nho phần nô* khiến cho các thế hệ sau không ngừng đối thoại với nó? Chắc chắn tiểu thuyết này vẫn tiềm ẩn sức mạnh riêng, chứa đựng khả năng mở ra vô tận những ý nghĩa để tạo nên các giá trị thẩm mỹ mới trong lòng độc giả. Từ góc độ *tính đối thoại* (theo lý thuyết *liên văn bản* của các nhà tự sự học hiện đại), chúng tôi muốn làm rõ phần nào sự hấp dẫn trong nghệ thuật kể chuyện của nhà văn J. Steinbeck ở *Chùm nho phần nô*, đồng thời đưa ra một cách đọc.

Nói đến tính đối thoại của một văn bản tác phẩm văn học, trước hết phải nói đến khái niệm *liên văn bản*. Khái niệm *liên văn bản* nhắc nhở cho người đọc nhận biết rằng, mỗi văn bản tồn tại trong sự liên hệ với văn bản khác, có thể xuất hiện trước hoặc cùng thời. Hiểu một cách đơn giản, là có sự hiện diện, quan hệ của hai hay nhiều văn bản khác trong một văn bản và người đọc nhận ra sự hiện diện, quan hệ đó. Sự kéo dài biên cương của văn bản này đến văn bản khác, đôi khi còn được mở rộng bởi hành vi có ý thức của người viết làm tăng thêm tính đối thoại. Tính đối thoại vốn là thuộc tính của diễn ngôn nghệ thuật. Từ quan điểm về đối thoại của M. Bakhtin, các nhà tự sự học hiện đại chỉ ra rõ ràng: Ý thức xã hội và ý thức ngôn ngữ của con người khi chuyển hoá thành ý thức nghệ thuật mang tính chủ động trong sáng tạo văn chương đã bao hàm trong nó tính đối thoại. Đó chính là điều kiện quan trọng để nhà văn - với tư cách là chủ thể của diễn ngôn nghệ thuật xác lập tiếng nói riêng của mình trong môi trường xã hội - văn hoá - ngôn ngữ nghệ thuật. Mọi văn bản văn học đều mang tính đối thoại, tuy nhiên, chỉ trong văn xuôi nghệ thuật, đặc biệt là ở thể loại tiểu thuyết, tính đối thoại nội tại mới thực sự trở thành một thuộc tính thẩm mỹ quan trọng. Theo đó, một tiểu thuyết - là một diễn ngôn - như là một lời phát biểu sống động, nảy sinh một cách có ý thức trong một thời điểm lịch sử nhất định và trong một môi trường xã hội nhất định, không thể không đụng chạm đến hàng ngàn mối dây đối thoại đã

được ý thức tư tưởng - xã hội đan dệt xung quanh đối tượng của lời phát biểu ấy. Từ cuộc đối thoại này, nó nảy sinh như một sự tiếp lời, như một đáp từ. Tất cả những gì có sự giao thoa, ảnh hưởng lẫn nhau, tạo nên mối quan hệ liên đới, kích thích và phản biện với nhau đều có thể được xem là chúng đang ở trong trạng thái đối thoại.

Tiểu thuyết *Chùm nho phần nô* là một diễn ngôn. *Tính đối thoại* trước hết là biểu hiện thuộc tính bản thể của diễn ngôn này. Hơn thế nữa, nó được nhà văn J. Steinbeck - chủ thể của diễn ngôn - sử dụng một cách có ý thức nhằm tăng cường khả năng đối thoại. Viết *Chùm nho phần nô*, khi “có ý” mở rộng cấu trúc truyện kể của nó thông qua sự tương tác với mã lịch sử và sự liên phối với các thể loại, các văn bản văn học khác, nhà văn không chỉ đối thoại với truyền thống văn học về sáng tạo nghệ thuật, về thể loại tiểu thuyết, mà còn thực hiện đối thoại đa chiều với lịch sử, với thời đại, với quá khứ, hiện tại, tương lai về những vấn đề vĩnh cửu của nhân sinh.

Đối thoại văn chương (về thể loại tiểu thuyết)

Chùm nho phần nô từ khi xuất bản năm 1939 đã mặc nhiên được xem là tiểu thuyết hiện thực xuất sắc bởi đề tài rất quen thuộc của văn chương hiện đại Mỹ. Nửa đầu thế kỷ XX được coi là thời kỳ hiện đại với nhiều biến động dữ dội. Trong thời gian đó, người Mỹ chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế. Các nhà văn phản ứng nhanh chóng với cuộc khủng hoảng nhận thức và bản thể học trong cách cư xử khác nhau. Trong khi F.S.Fitzgerald diễn tả thảm thía những giấc mơ vàng của tuổi trẻ bị tan vỡ trong thất bại, chán chường, E.Hemingway diễn tả tâm trạng mất mát, bất ổn sau chiến tranh... thì J.Steinbeck quay về chủ đề xung đột xã hội cùng với các vấn đề của người lao động di cư ở California. Ở ngưỡng tiếp nhận thông thường, câu chuyện về cuộc sống khốn khổ của gia đình Joad, một gia đình nông dân ở Oklahoma, một bang ở Trung tây Mỹ, trong hành trình về miền đất hứa California trong *Chùm nho phần nô* trở thành hoàn cảnh điển hình hiện thực Mỹ những năm sau khủng hoảng kinh tế 1929 -1933. Và, những tính cách như Mẹ Joad, Tom Joad, Jim Casy... cũng rất điển hình trong hoàn cảnh đó. Một tiểu thuyết hiện thực như vậy là đã thành công. Tuy nhiên, kỹ thuật kể chuyện của J. Steinbeck dường như không đơn giản là kể một câu chuyện về gia đình Joad khi ông tổ chức truyện kể bằng cách đan xen hai thể loại khác nhau. *Chùm nho phần nô* gồm 30 chương. Ba mươi chương được tổ chức đan xen giữa 14 chương kể chuyện gia đình Joad với 16 chương có tính phóng sự thuật lại toàn cảnh cuộc di cư của hàng trăm ngàn người từ Đông sang Tây Mỹ. Mười bốn chương kể câu chuyện

về gia đình Joad (470/578 trang) là câu chuyện hư cấu có sự kiện, hành động của nhân vật, là câu chuyện trung tâm. Mười sáu chương phóng sự miêu tả toàn cảnh (108/578 trang) không tham dự vào tiến trình phát triển sự kiện của câu chuyện trung tâm mà làm nền cho câu chuyện trung tâm đó.

Chiếm gần 1/5 dung lượng văn bản, 16 chương phóng sự toàn cảnh là những bằng chứng cụ thể về cuộc di cư khổng lồ của người Mỹ năm 1934. Chính sách Kinh tế Mới của Mỹ sau khủng hoảng 1929 - 1933 khiến cho nhiều nông dân, tiểu chủ Mỹ lúc đó rơi tình trạng vỡ nợ. Đồng thời năm 1934, bão cát hoành hành trên khắp các vùng đồng bằng gây nên một thảm kịch lớn ở Kansas, Oklahoma, Tây Bắc Texas, New Mexico và Colorado khiến gần ba trăm ngàn người vùng Trung tây Mỹ ngập trong nợ nần, buộc phải rời bỏ nhà cửa đi về California theo lời quảng cáo việc làm. Họ qua New Mexico, Colorado, Arizona, hướng về phía Tây với hi vọng có cuộc sống tốt hơn. Thực tế không như mong đợi. Những người di cư phải sống trong đói khát, bệnh tật và đối mặt với sự kỳ thị của cư dân những vùng họ đi qua. California không đủ công việc cho tất cả mọi người. Đây được xem là một cuộc di dân thời bình lớn nhất ở Mỹ, một trong những thảm cảnh đau đớn nhất trong lịch sử Mỹ nửa đầu thế kỷ XX. J. Steinbeck đã sống ba tháng ròng cùng những người di cư dọc đường 66 từ Oklahoma đi California. Ông đã đưa rất nhiều chất liệu, phóng sự mà ông ghi chép được vào 16 chương của *Chùm nho phẫn nộ*. Các chương phóng sự này có hai chức năng chính:

Thứ nhất/Trình bày bối cảnh chung. Trong số 16 chương toàn cảnh thì có 13 chương được dùng cho nội dung này. Đó là những chương ghi lại diễn biến xã hội: ngân hàng tịch thu tài sản của những nông dân tiểu chủ vỡ nợ, hàng trăm ngàn người đói khát trên đường di cư, thái độ kỳ thị của những cư dân bản địa, cuộc sống khốn cùng dân di cư trên đất hứa California...

Thứ hai/Cung cấp các thông tin lịch sử, xã hội. Nội dung này nằm trong ba chương 19, 21, 25. Chương 19 trình bày lại lịch sử bành trướng, mở rộng lãnh địa của Mỹ sang Mexico. Chương 21 trình bày các sự kiện xã hội ở Mỹ trong khủng hoảng kinh tế 1929-1933. Chương 25 trình bày bản chất của khủng hoảng thừa. Đại tư sản tiêu hủy sản phẩm để giữ giá trong khi người lao động thất nghiệp, chết đói...

Chiếm hơn 4/5 dung lượng văn bản là một tiểu thuyết hoàn toàn độc lập kể về gia đình Joad, có mở - kết, có hành động truyện, sự kiện, tính cách, số phận nhân vật...

Nếu như 16 chương có tính phóng sự phản ánh toàn cảnh thì 14 chương kể chuyện về gia đình Joad là cận cảnh miêu tả số phận từng con người.

Nhìn qua, mỗi phân ly của hai thể loại trong tác phẩm dẫn đến cảm giác mất cân bằng trong cấu trúc tường thuật. Tác phẩm như chia thành hai phần riêng biệt. Trong khi giữa các chương phóng sự toàn cảnh liên kết lỏng lẻo thì giữa các chương cận cảnh được kết nối rất chặt chẽ, mạch lạc bằng chuỗi các sự kiện. Các nhân vật và sự kiện trong 14 chương tiểu thuyết không phụ thuộc vào những diễn biến trong các chương phóng sự toàn cảnh. Cấu trúc dàn trải có phần lỏng lẻo này đã gây khó chịu cho một số nhà nghiên cứu và không ít người đọc. P. Lubbock đã từng phàn nàn về sự "dư thừa" của các chương toàn cảnh này. Nhưng, đọc chậm lại, ta thấy rõ sự hòa nhập của các chương phóng sự vào cấu trúc của tiểu thuyết tạo nên một chỉnh thể đặc biệt. J. Steinbeck khéo léo liên kết các chương phóng sự toàn cảnh với các chương cận cảnh trong một mối liên hệ về nghĩa chứ không đơn giản là đặt chúng rời rạc bên nhau.

Kỹ thuật để thống nhất các phần riêng biệt của cuốn tiểu thuyết là đặt kẻ chúng xen nhau trong một mối liên hệ: các chương phóng sự toàn cảnh cung cấp thông tin và trình bày bối cảnh rộng lớn gắn với hoàn cảnh mà các nhân vật trong chương cận cảnh tiếp theo sẽ gặp phải. Các chương toàn cảnh gần như là kho chứa tất cả các thông tin ngoại cảnh trong tiểu thuyết. Không cần có những lời dẫn dắt, các chi tiết có mối liên hệ nhất định với nhau tạo nên sự liên mạch bên trong cái vỏ ngoài có vẻ lỏng lẻo đó. Ví dụ: Chương 5, chương phóng sự miêu tả mâu thuẫn giữa ngân hàng và tá điền khi tài sản của nông dân về tay ngân hàng, các máy cày được đưa đến phá hủy nhà cửa... ngay lập tức, trong chương 6, chương tiểu thuyết, là Tom Joad và Casy nhìn thấy ngôi nhà của gia đình đã bị bỏ hoang còn vương dấu vết phá hủy của máy móc. Những chi tiết ấy cho phép người đọc hiểu rằng, ngôi nhà của Joad là một trong vô vàn ngôi nhà nào khác đã bị xe ủi cào đổ. Tuy nhiên, sự kiện của chương phóng sự không phải là sự tiếp tục diễn biến của chương phóng sự mà như là một tình huống cụ thể của bối cảnh chung được trình bày trước đó. Không liên quan trực tiếp nhưng tất cả các chương phóng sự toàn cảnh khi khép lại đều có vai trò mở ra cho những hành động trong câu chuyện về gia đình Joad. Ví dụ: kết thúc chương 5 phóng sự, cảnh các ngân hàng thu hồi ruộng đất của nông dân hé mở nguyên nhân dẫn tới cuộc di cư khổng lồ mà chương 6 sẽ cụ thể ở việc gia đình Joad buộc phải rời bỏ quê nhà; hoặc cuối chương 29, chương toàn cảnh, cảnh mưa lũ ngập các thung

lũng California, đám đông di cư chết dần trong bệnh tật, đói khát... hé mở cho sự kiện cuối của tiểu thuyết ở chương 30: cuộc sống khốn cùng của gia đình Joad trong toa tàu cũ ngập nước, phải lội trong mưa gió, dất dứu nhau đến một nhà kho bỏ hoang...

Cũng có khi các chương phóng sự toàn cảnh có ý nghĩa khái quát, mở rộng vấn đề đã được trình bày trong chương tiểu thuyết trước đó. Ví dụ: ở chương 11, cảnh những ngôi nhà bị bỏ lại hoang tàn, thê lương là sự lặp lại ở mức độ cao hơn tình huống gia đình Joad vừa rời nhà ở chương 10; hoặc ở chương 17, cảnh đám đông di cư đói khát trên quốc lộ 66 như khắc sâu thêm nỗi khổ sở của gia đình Joad khi bị hồng xe, không nước uống trong chương 16...

Sử dụng kỹ thuật đan xen hai thể loại, J. Steinbeck mở rộng diễn trình sự kiện theo cả chiều dọc và bề ngang. Theo chiều dọc, câu chuyện về gia đình Joad trong tiểu thuyết là những chi tiết về một bộ phận cụ thể trong toàn cảnh mà phóng sự phản ánh. Trong khi đó theo chiều ngang, các chương phóng sự toàn cảnh cho phép nhà văn có thể tự do đưa vào các mảng hiện thực rộng lớn cùng những lời bình luận bên ngoài. Cùng lúc, nhà văn có thể sử dụng nhiều phương thức biểu đạt khác nhau: tự sự, miêu tả, nghị luận, tường thuật phóng sự, “điện ảnh”...

Nhờ vậy, câu chuyện về gia đình Joad được mở rộng hơn đến những vấn đề của cả cộng đồng, của cả thời đại. Bi kịch mà gia đình Joad gặp phải không chỉ là bi kịch cá nhân mà là bi kịch của nhân loại. J. Steinbeck muốn viết một bi kịch trên một quy mô hoành tráng trong hình thức đan cài hai thể loại. Hai thể loại liên tục va chạm, bổ sung lẫn nhau: thể giới vĩ mô phản ánh linh vực vi mô và ngược lại. Với cách kết hợp ấy, J. Steinbeck đã giải quyết được băn khoăn của nhiều nhà văn: làm thế nào để có thể truyền đạt được nỗi đau của cả cộng đồng, nhân loại cũng như nỗi đau khổ, chịu đựng của mỗi cá nhân trong bi kịch chung? Không thể hiểu được nỗi đau của cả triệu người nếu không hiểu được nỗi đau của một người. Khi hiểu được nỗi đau chung của triệu người, người ta mới thấu tận được giá trị nhân sinh. Nhà văn đã đem đến cho độc giả thông điệp đó một cách thuyết phục bằng hình thức nghệ thuật độc đáo.

Cách trần thuật của J. Steinbeck trong *Chùm nho phần nộ* có điểm gần gũi với kỹ thuật “phim thời sự” của J. Dos Passos trong tiểu thuyết *Vĩ tuyến 42*, với kỹ thuật đan xen các chương tường thuật khác nhau của H. Fielding trong tác phẩm *Tom Jones* hay của L. Tolstoy trong tiểu thuyết *Chiến tranh và hòa bình*. Nhưng, sự đan cài thể loại ở *Chùm nho phần nộ* không phải là sự cắt dán, xếp đặt ngẫu nhiên các mảng hiện thực cạnh nhau

như của Dos Passos, cũng không phải để minh họa cho sự tương phản. Ông khéo léo sắp đặt theo trình tự thời gian xuất hiện trước sau của các mảng hiện thực. Khi chương phóng sự toàn cảnh dừng lại thì chương cận cảnh xuất hiện. Mảng phóng sự về sự kiện thời sự xã hội nóng bỏng và câu chuyện tiểu thuyết có thể tách biệt độc lập nhưng chúng lại trở nên hoàn toàn hơn khi kết hợp lại. Kết hợp với nhau, giá trị thẩm mỹ của chúng tăng lên, tạo nên một *Chùm nho phần nộ* hoàn hảo. Tác phẩm như những trích đoạn mang tính phổ quát của gương mặt thời đại: bất ổn về kinh tế, khủng hoảng nhân đạo dẫn đến khủng hoảng niềm tin. Người đọc qua đó vừa thấu tận được nỗi đau của những thân phận cụ thể, vừa cảm nghiệm được bi kịch chung của con người thời đại. Sự kết hợp nhuần nhuyễn các giọng điệu ở hai thể loại của J. Steinbeck đã tạo ra hai hiệu ứng khẩn thiết: Một, đó là câu chuyện đau đớn của hiện thực Mỹ; một nữa, là huyền thoại vượt câu chuyện của người Mỹ, trở thành chuyện thức tỉnh nhân loại.

Sự kết hợp hai thể loại trong một tác phẩm trước hết thể hiện cách cảm nhận của J. Steinbeck về cuộc sống. Với ông, cuộc sống của con người trong thế giới hiện đại nhiều bất an giống như bức tranh “dờ dang” không thể trình giải một cách chặt chẽ, mạch lạc trong khuôn mẫu chặt chẽ có sẵn của tiểu thuyết. Các mảng hiện thực đưa vào tác phẩm theo kiểu ngẫu nhiên góp phần thể hiện sự phức tạp, nhiều màu sắc của thế giới. Thứ nữa, quan trọng hơn, khi mở rộng giới hạn tiểu thuyết, nhà văn đã làm mới cách kể chuyện truyền thống. Dù không phá cách như các nhà Tiểu thuyết Mới sau này, J. Steinbeck cũng sớm bộc lộ ý hướng nghệ thuật chung với các nhà văn hiện đại, đối thoại với văn học truyền thống về thể loại: tiểu thuyết cần cách tân. Bằng sự đan cài phóng sự trong tiểu thuyết, J. Steinbeck tạo ra *Chùm nho phần nộ* thật sự là bản “giao hưởng” của rất nhiều văn bản, theo cách nói của Paul Bourget: Truyện ngắn là độc tấu. Tiểu thuyết là giao hưởng.

Đối thoại tư tưởng

Mỗi thời đại, mỗi giai đoạn có những “tâm điểm”, những vấn đề cần tranh luận. Nhà văn không thể né tránh những vấn đề, những “câu chuyện” của thời đại mình. Được sáng tác ở nửa đầu thế kỷ XX, thời kỳ bùng nổ của các biến động làm thay đổi tận gốc rễ xã hội loài người, tác phẩm của J. Steinbeck không thể không mang hơi thở của thời đại. Những trách nhiệm và lương tri về con người trong thời hiện đại được nhà văn phát biểu trong đáp từ ở lễ trao giải Nobel năm 1962: “Nhà văn được trao nhiệm vụ phơi bày những lỗi lầm và thất bại xót xa của chúng ta, nhiệm vụ lôi ra ánh sáng những giấc mơ tăm tối và nguy hiểm của chúng ta nhằm

nâng cao con người chúng ta” [4,12]. Thực tế, J. Steinbeck đã sáng tạo nên những tác phẩm chuyển tải được những vấn đề nóng bỏng của thời đại. Chính sách Kinh tế Mới của Mỹ sau khủng hoảng kinh tế đã bộc lộ tính chất vô nhân đạo của sản xuất tư bản. Tiểu thuyết *Chùm nho phần nộ* đã phản ánh sinh động, sâu sắc thân phận bi đát của con người trong xã hội công nghiệp hiện đại giai đoạn đó. Nhưng không dừng lại ở chỗ chứng minh cho một giai đoạn lịch sử, J. Steinbeck đã đặt ra những vấn đề sâu xa hơn khi ông kết nối văn bản tác phẩm của với các văn bản khác như một cách đối thoại về tư tưởng, về hiện sinh của con người.

Như nhiều tác phẩm khác của J. Steinbeck, *Chùm nho phần nộ* có mối liên kết với các văn bản khác xuất hiện trước nó thể hiện ở nhan đề, đề từ, tình huống truyện ... Nhà văn đã kết nối tác phẩm với các văn bản khác như *Thánh chiến ca của nền cộng hòa* (1861) của Julia Ward Howe và với Kinh Thánh. Bằng cách kết nối này, ông đã tạo nên cuộc đối thoại tư tưởng chưa hồi kết.

Nhan đề *Chùm nho phần nộ* được J. Steinbeck trích từ bài *Thánh chiến ca của nền cộng hòa* của Julia W. Howe. Bài hát được Julia W. Howe viết năm 1861 nhằm khích lệ tinh thần chiến đấu của những người lính Liên minh Miền bắc trong cuộc nội chiến Mỹ giữa thế kỷ XIX. Bài hát này đã trở thành một phần quan trọng của văn hóa Mỹ. Nhan đề được trích dẫn từ đoạn hai: “Mắt tôi đã thấy vinh quang của sự hiện đến của Chúa: Ngài sẽ chà đạp những vườn nho nơi chứa những **chùm nho uất hận (the grapes of wrath)**; Ngài tuốt grom kinh hoàng lấp lánh ánh tang tóc; Chân lý của Ngài đang đến” [3;142].

Âm hưởng của bài ca *Thánh chiến ca của nền cộng hòa* là sự phần nộ trước bất công và khao khát hành động vì dân chủ. Lời ca này được Julia Ward Howe viết dựa trên phân đoạn sách Khải huyền 14:19-20 của Kinh Thánh trình bày khái thị về sự xét đoán thiên thượng và giải cứu khỏi sự áp bức trong ngày phán xét cuối cùng: “Thiên sứ quăng lưỡi liềm xuống đất, cắt vườn nho ở đất và ném nho vào thùng lớn thanh nộ của Đức Chúa Trời. Thùng ấy phải đầy đập tại ngoài thành; rồi có huyết ở thùng chảy ra, huyết đó lên đến chỗ khớp ngựa, dài một quãng một ngàn sáu trăm dặm” [Cựu ước - Kinh Thánh].

Julia W. Howe đã tìm được mối liên hệ gắn gũi giữa cuộc chiến vì dân chủ, xóa bỏ chế độ nô lệ của những chiến binh Miền bắc trong cuộc nội chiến ở Mỹ thế kỷ XIX với công cuộc giải cứu con người khỏi sự áp bức trong truyền thuyết ở Kinh Thánh. Đến lượt J. Steinbeck, ông một lần nữa liên kết truyện kể của mình với các văn bản đó qua nhan đề tác phẩm của

mình. Hình ảnh gợi lên từ nhan đề *Chùm nho phần nộ* là một biểu tượng quan trọng trong việc phát triển câu chuyện và thể hiện chủ đề của tác phẩm: áp bức kinh khủng từ các tư sản, ngân hàng đối với người lao động tại vùng Trung tây Mỹ như những lò ép rượu nho sẽ tạo nên uất hận kinh hoàng. *Nho* trong hệ thống biểu tượng văn hóa thế giới là biểu tượng cho sự sung túc. Trong tác phẩm của J. Steinbeck, *nho* cũng được sử dụng với ý nghĩa tương tự. Khi nhà Joad chuẩn bị về Miền tây, hình ảnh được mọi người nhắc tới như một ẩn dụ cho cuộc sống sung túc đó là *nho*. Ông nội Joad ba lần nhắc tới việc mình sẽ hái *nho* và thường thức nó thỏa thuê như một khao khát thỏa mãn trong sung túc. Hình ảnh *nho* và tâm trạng *phần nộ* đi liền nhau xuyên suốt tác phẩm. *Nho* là động lực thúc đẩy gia đình Joad gắn kết lại trong hành trình khó khăn. Họ sống bằng hi vọng. *Phần nộ* là tâm trạng như bị phản bội khi họ gặp phải sự xua đuổi của người bản xứ, sự lạnh lùng, tàn nhẫn của các đại tư sản. *Phần nộ* được bộc lộ trực tiếp ở cuối chương 25: “Họ nghe được tiếng rống của những con lợn bị chọc tiết trong hồ và sau đó bị lấp vôi bột, họ nhìn các núi cam dần biến thành thứ cháo ôi thối; và sự phá sản in trong đôi mắt, sự căm giận bắt đầu lóe lên trong đôi mắt của sự đói khát...” [5;417].

Qua nhan đề, J. Steinbeck đã kết nối truyện kể của mình với những vấn đề trong *Thánh chiến ca của nền cộng hòa* của Julia W. Howe, sâu rộng hơn nữa, đến những vấn đề trong Kinh thánh: *Hi vọng về sự sung túc - Khát vọng dân chủ - Bất công - Phần nộ - Đấu tranh - Bị kịch thất bại - Nỗi đau nhân sinh...* Đó là những vấn đề muôn thuở của loài người mà tác giả *Chùm nho phần nộ* muốn người đọc suy ngẫm.

Ngoài việc liên kết văn bản qua nhan đề, J. Steinbeck còn xây dựng truyện kể của mình dựa trên các tình huống có sẵn nhằm mở rộng giới hạn truyện kể. Nhà văn luôn kết hợp các sự kiện trong hiện thực với những tình huống đã từng xuất hiện trong các văn bản văn học trước đó nhằm mở ra liên tưởng sâu rộng. Các tác phẩm được ông viết trong những năm 1930 như *Trong cuộc chiến bất phân thắng bại* (1936), *Của chuột và người* (1937) và *Chùm nho phần nộ* (1939) đều là kết quả việc kết hợp giữa quan sát hiện thực rất tinh nhạy của nhà văn với những tình huống có sẵn. *Trong cuộc chiến bất phân thắng bại* là hiện thực cuộc đình công của công nhân hái táo năm 1934 được tái hiện trong sự kết hợp với tình huống *đấu tranh đòi quyền của mình* ở hai tác phẩm: *Thiên đường đã mất* (J. Milton) và Kinh Thánh; *Chùm nho phần nộ* là hiện thực về cuộc di cư bi thảm của người Mỹ kết hợp với

tình huống *truy tìm Đất hứa* của truyền thuyết trong Kinh Thánh...

Nhà nghiên cứu Peter Lisca là người đầu tiên chỉ ra mối liên hệ giữa *Chùm nho phần nô* và Kinh Thánh. Trong công trình *John Steinbeck: Tự nhiên và huyền thoại* (*John Steinbeck: Nature & Myth, 1982*), Peter Lisca đã chỉ ra sự tương ứng giữa ba phần của *Chùm nho phần nô* với ba phần của truyền thuyết về cuộc hành trình của người Do Thái chạy trốn khỏi người Ai Cập đến miền đất hứa Canaan trong Kinh Thánh. Ba phần của *Chùm nho phần nô*: Phần 1/ (chương 1-11), Thời gian gia đình Joad ở Oklahoma; Phần 2/ (chương 12-18), Hành trình di cư của gia đình Joad trên quốc lộ 66, sa mạc; Phần 3/ (chương 19-30), Đến đất hứa California; ba phần của truyền thuyết trong Kinh thánh: 1/ Thời gian người Do Thái dưới sự áp bức của người Ai Cập; 2/ Bốn mươi năm lang thang trong sa mạc; 3/ Đến Đất hứa Canaan.

Không chỉ các nhà nghiên cứu mà nhiều độc giả cũng nhận ra sự gần gũi bề ngoài này của tác phẩm. Tuy nhiên, theo chúng tôi, sự “giống nhau” ở đây không chỉ đơn giản ở bố cục mà sâu hơn, nó thuộc về cấu trúc bên trong, là mối liên kết tình huống truyện. Nhà văn J. Steinbeck đã tìm thấy trong Kinh Thánh một tình huống truyện để có thể diễn giải được những gì rộng lớn hơn những điều mà ông quan sát được ở cuộc di cư khổng lồ của người Mỹ. J. Steinbeck rất chú trọng đến việc xây dựng tình huống truyện kể. Ông từng nói: “Tôi thường có hứng thú mạnh mẽ với việc tạo ngữ cảnh của câu chuyện hơn là nhân vật và chủ đề” [4,178]. Tình huống trong Kinh Thánh về cuộc chạy trốn của người Do Thái khỏi ách áp bức của người Ai Cập, tìm đến Miền Đất hứa Canaan là tình huống thích hợp nhất để ông diễn đạt tư tưởng của mình.

Xây dựng *Chùm nho phần nô* trong sự liên kết với tình huống *truy tìm Đất hứa*, J. Steinbeck không nhằm xây dựng các nhân vật điển hình. Nhân vật Tom Joad, Casy, Mẹ Joad có thể là nhân vật có tính cách, phẩm chất tiêu biểu cho một kiểu người nhất định nào đó nhưng ấn tượng mạnh mẽ đối với độc giả không phải ở những tính cách, phẩm chất đó mà là ở không khí do tình huống truyện kể gợi ra. Hành trình của những người di cư trong đó có gia đình Joad được miêu tả với nhịp điệu vừa hối hả, thống thiết vừa nhọc nhằn, chậm rãi. Đó là sự kết hợp của lòng mong mỏi khẩn thiết đến được miền *đất sống* với nỗi sợ hãi cuộc sống ở miền *đất chết*. Tình huống ấy gợi nên không khí u ám, tâm trạng nặng nề cho người đọc. Gia đình Joad bèn bị đấu tranh với hoàn cảnh để giữ cho gia đình của họ được tồn tại nhưng các thành viên

trong gia đình mai một dần. Ông bà nội chết dọc đường đi, Noah, Connie rời bỏ gia đình, Tom phải lẩn trốn... Ở Đất hứa California, cái họ nhận được là: không nhà cửa, không việc làm, đói khát, bệnh tật và chết mòn trên mảnh đất giàu có. Kết thúc tác phẩm, năm thành viên còn lại của gia đình Joad và hàng trăm ngàn người khác vẫn tiếp tục cuộc hành trình vô vọng. Các cuộc đình công, đụng độ giữa những người di cư làm thuê với giới chủ và cảnh sát đã diễn ra. Điều đó đồng hành với một thực tế, khi một phần lớn người dân đang đói và lạnh họ sẽ giành những gì họ cần bằng vũ lực. Tác phẩm đã gọi lại một dư âm vang vọng khắp các chặng đường lịch sử của nhân loại rằng, đàn áp chỉ làm tăng phần nô dồn nén. J. Steinbeck đã thể hiện một vấn đề nghiêm trọng của nhân sinh trong cấu trúc sâu rộng của một tiểu thuyết.

Sử dụng tình huống của truyền thuyết trong Kinh Thánh, J. Steinbeck không lặp lại mà mở rộng, đối thoại với nó. Nếu như trong Kinh Thánh, mười hai chi tộc người Do Thái đến được miền đất hứa đây “sữa và mật ong” một cách toại nguyện thì với gia đình Joad và hàng trăm ngàn con người khác là sự tuyệt vọng. Trong hoàn cảnh gần giống nhau, cùng một nỗ lực, người xưa dưới sự khai thị của Chúa trời có thể mưu cầu được cho mình những điều tốt đẹp, người hiện đại không thể mưu cầu gì cho mình vì “Chúa đã chết”. Mặt khác, các nhân vật của J. Steinbeck không được toại nguyện không phải họ không nỗ lực hay họ gặp kẻ thù tự nhiên quá mạnh mà lực lượng cản trở họ chính là đồng loại. Gợi ra những ý nghĩa này ở *Chùm nho phần nô* qua liên văn bản, J. Steinbeck đã ở một tư thế đối thoại thẳng thắn với tư tưởng cổ hữu bao đời trước về sự tồn tại của thế giới. Trong nhìn nhận của ông, thời hiện đại, con người đối diện với nhiều nguy cơ hơn bao giờ hết. Ở đó, vai trò quyết định không phải Chúa trời mà chính là con người. Ý thức xây dựng truyện kể trong ngữ cảnh như thế đã tạo cho tác phẩm chiều kích phản chiếu ý nghĩa đồ sộ. Ý nghĩa phản chiếu trong đó tác phẩm bắt lấy dư âm của các tác phẩm khác, phát triển nó theo hướng mở rộng cấu trúc chứ không phải nhằm giải thích một ý nghĩa. Vì thế, đọc *Chùm nho phần nô* người ta không chỉ xót thương cho tình cảnh bi thảm của những con người cụ thể, những nạn nhân của thời Đại khủng hoảng, mà còn cảm nhận được nỗi đau, sự trăn trở về hiện sinh.

Đối thoại về lịch sử

Năm 2002, nhà xã hội học Keith Windschuttle trong bài viết *Huyền thoại về những kẻ Okie của Steinbeck* (*Steinbeck's myth of the Okies, 2002*) cho rằng, J. Steinbeck đã huyền thoại quá mức sự thật lịch sử; rằng, cuộc di cư sau Đại khủng hoảng đã bị nhà văn

làm quá khi sự thật chỉ có 80 ngàn người di cư nhưng nhà văn miêu tả số lượng lên 300 ngàn... Điều gì khiến các nhà nghiên cứu xã hội, các nhà sử học vẫn tiếp tục khơi lại những sự kiện liên quan đến lịch sử trong *Chùm nho phần nộ*?

Hầu hết truyện kể tiểu thuyết của J. Steinbeck đều được xây dựng từ dữ liệu liên quan đến sự kiện lịch sử xã hội Mỹ trong khoảng thời gian 1920 - 1940. Ví dụ: *Trong cuộc chiến bất phân thắng bại* có những dữ liệu từ sự kiện Ngày Thứ năm đổ máu trong lịch sử Mỹ (cuộc đình công của công nhân nông nghiệp California năm 1934); *Của chuột và người* được xây dựng từ một câu chuyện có thật xảy ra ở Santa Clara (California, Mỹ) năm 1935, *Chùm nho phần nộ* dựa trên sự kiện khủng hoảng di cư khổng lồ từ Đông sang Tây Mỹ năm 1934. Những liên hệ giữa các tác phẩm của ông với các sự kiện lịch sử xã hội gắn gũi đến mức khi *Trong cuộc chiến bất phân thắng bại* (1936), *Chùm nho phần nộ* (1939) mới được xuất bản, chúng đã thành đề tài tranh luận về tính xác thực của các sự kiện trong tác phẩm so với lịch sử. Thậm chí nhiều người cố gắng chỉ ra độ sai lệch giữa sự kiện trong tác phẩm với sự kiện xã hội được ghi chép trong cuốn *Lịch sử Mỹ (America History - John Steward, 1936)* để lên án J. Steinbeck đã nói sai sự thật. Họ xem *Trong cuộc chiến bất phân thắng bại* chỉ như là “một phóng sự nhằm tuyên truyền tư tưởng”; *Chùm nho phần nộ* “chỉ là một tài liệu có giá trị về kinh tế xã hội của thời khủng hoảng”; hoặc cực đoan hơn: “cuốn sách là một sự bịa đặt trắng trợn, bôi nhọ lịch sử, làm hổ danh người California”. Đỉnh điểm của phản ứng cực đoan này là hành động đốt tác phẩm *Chùm nho phần nộ* tại California khi tác phẩm mới được xuất bản năm 1939. Quả thực, các tác phẩm này được xây dựng trên các sự kiện lịch sử Mỹ nhưng J. Steinbeck không sử dụng sự kiện lịch sử theo cách nhìn nhận trần trụi mà hình tượng hóa chúng theo cái nhìn biệt của người nghệ sĩ. Có rất nhiều tư liệu riêng lịch sử, kí sự, phóng sự ảnh... ghi lại diễn biến của sự kiện lịch sử này nhưng chính tác phẩm văn học của J. Steinbeck mới là văn bản khắc sâu vào tâm khảm người Mỹ nói riêng và nhân loại nói chung nỗi đau về thảm kịch. John Steward trong cuốn *Lịch sử Mỹ* ghi chép về sự kiện với giọng điệu trung tính của nhà sử học còn J. Steinbeck trong *Chùm nho phần nộ* không phải là sự ghi chép một cách máy móc mà là kết quả của quá trình hình tượng hóa hiện thực hết sức công phu. Bằng óc liên tưởng tinh nhạy, J. Steinbeck nhận thấy trong kho chất liệu phong phú đó những tình huống cho truyện kể tiểu thuyết. Nhà văn đã kết nối các sự kiện

lịch sử xã hội với những tình huống có sẵn trong truyền thuyết, thần thoại hoặc các văn bản nghệ thuật bác học khác tạo nên tác phẩm độc đáo. Nhờ sự kết hợp đó, tác phẩm của J. Steinbeck như có nhiều tiếng nói lồng vào nhau. Một mặt, tiểu thuyết của ông truyền đến chúng ta nhiều tri thức lịch sử xã hội. Đó là câu chuyện kể về những mối quan hệ trong tự nhiên, xã hội những năm sau Đại khủng hoảng. Mặt khác, phía sau những biến cố lịch sử được kể lại là cấu trúc bên trong có tính chất mô hình hóa toàn bộ thế giới. Mỗi tình tiết xuất hiện trong tác phẩm đều gợi đến một chuyện khác có ý nghĩa sâu xa như những huyền thoại. J. Steinbeck đã liên kết với chúng bằng liên tưởng nhằm mở rộng ý nghĩa truyện kể của mình theo chiều sâu, không những ngẫm đối thoại với những tác phẩm đã dựng nên những tình huống đó mà còn đối thoại với lịch sử. Sức mạnh của *Chùm nho phần nộ* tất nhiên không phải ở những sự kiện lịch sử trần trụi, khô cứng. Giữa sự kiện nóng bỏng của lịch sử nổi lên hình tượng gia đình Joad với khát vọng được sống đúng với khả năng nhưng sự nỗ lực của họ không đem lại cho họ kết quả tốt đẹp nào. Nhiều nhà nghiên cứu như M. Gladstein, H. Levent... đã ngợi ca Mẹ Joad – nhân vật trung tâm của tiểu thuyết, là hình tượng *bất khả bại* nhưng theo chúng tôi, đặt vào diễn biến của lịch sử xã hội hiện đại lại thấy mặt khác của hình tượng này. Không thể phủ nhận tính cách mạnh mẽ, nhân hậu, luôn có niềm tin khiến Mẹ Joad trở thành hình tượng rực rỡ. Nhưng cho đến kết thúc tác phẩm, mong muốn giữ được gia đình, có việc để làm và có một ngôi nhà nhỏ trú thân vẫn không thành hiện thực, thậm chí cuộc sống còn bi thảm hơn: gia đình ly tán, không chốn nương thân, đói khát... Kết thúc này đặt ra câu hỏi đau đớn còn ngó câu trả lời: Trước những thay đổi quá lớn của thời đại công nghiệp, những nỗ lực vượt qua hoàn cảnh của bà đã đem lại được gì cho bà và gia đình? Dường như bi kịch về sự thất bại của con người mới là cảm hứng chủ đạo, lịch sử chỉ là cái nền. Vì thế, ấn tượng của tác phẩm với người đọc không phải chỉ ở các sự kiện lịch sử khốc liệt hay những tính cách, chân dung tâm lý mà còn ở chính tâm trạng do tình huống truyện kể đã gợi ra. Gợi nên không khí bất an của thời đại, J. Steinbeck đã hướng người đọc đến ý nghĩa nhân sinh ở tầm phổ quát, sự suy tư về hiện tồn của con người.

Nếu với các nhà xã hội học, sự kiện lịch sử có thể phải - trái, đúng - sai theo quan điểm của họ thì trong các tác phẩm của J. Steinbeck, mã lịch sử là yếu tố mở rộng đường biên tiểu thuyết, giúp nhà văn tăng thêm chiều kích cho truyện kể. Tiểu thuyết không có

phán xét duy nhất đúng về các sự kiện lịch sử mà chỉ trình bày chúng như những giả thiết về đời sống để độc giả tìm giải pháp. Thực tế, thảm họa di cư năm 1934 ở Mỹ là hệ quả của cả hai yếu tố tự nhiên và nhân tạo nhưng bằng cảm quan của người nghệ sĩ, J. Steinbeck đã nhìn thấy trong đó nỗi âu lo của nhân loại về chính bản thân mình. Trên cái nền lịch sử đã được hình tượng hóa là hình ảnh của con người nhỏ bé, bất lực trong cuộc chiến để tồn tại. Với cảm nhận khách quan, tinh nhạy về những biến đổi sâu sắc bên trong xã hội hiện đại, bằng câu chuyện đơn giản, J. Steinbeck đã giải phóng cách nhìn chỉ ca ngợi hoặc phê phán một chiều về cuộc xung đột xã hội. Lịch sử chỉ là cái cớ để nhà văn triển khai trong hình thức tiểu thuyết những bản thảo, trần trụi về thân phận con người. Những bản thảo mà các thế hệ sau ông, ở thế kỷ XXI, vẫn tiếp tục đặt ra và không ngừng tìm kiếm câu trả lời.

Vào tháng 6 năm 2014, Trung tâm Quốc gia Steinbeck ở California đã tổ chức lễ kỷ niệm 75 năm ngày *Chùm nho phẫn nộ* (1939) được xuất bản. Sau 75 năm, cuộc đối thoại tầm quốc gia ở Mỹ về giá trị tác phẩm của J. Steinbeck vẫn tiếp tục được tổ chức là một bằng chứng cho thấy sự trường tồn của tác phẩm. Buộc người đọc mở rộng truyện kể trong một trường liên tưởng rộng lớn, *Chùm nho phẫn nộ* của J.

Steinbeck không phải là “một câu chuyện” một nghĩa mà là “nhiều câu chuyện” với nhiều tầng nghĩa. Hơn thế, với cách kết nối liên văn bản, nhà văn đã tạo ra một tác phẩm mà ở đó, mỗi truyện chỉ đóng vai trò là một tồn tại của hiện thực, vấn đề cần giải quyết không chỉ trong phạm vi truyện kể mà là những mâu thuẫn lớn hơn, ở ngoài tác phẩm, ở những “đối thoại” bất tận về hiện sinh của con người mà ông còn bỏ ngỏ. Đó chính là lý do tại sao chúng ta vẫn đọc tiểu thuyết của ông - những tác phẩm hầu như chỉ nói về các sự kiện của một thời./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bragg, Melvyn, *Steinbeck Today*, Vol. 7, No.10), San Jose' State University, California, 2016;
2. Hayashi, Tetsumaro, *John Steinbeck: His Concept of Writing*, The Carecrow Press, Inc. Metuchen, N.J., & London, 2012;
3. Pierre, Brian St, *John Steinbeck – The California Years*, San José State University, Ca, 1988;
4. Steinbeck E. and Robert W, *Steinbeck: A Life in Letters*, Viking Press, New York, 1979;
5. Steinbeck J, *The Grapes of Wrath*, Penguin Group (USA) Inc, 2006.

John Steinbeck's *Grapes of wrath* and open "dialogue"

Hoang Thi Thap

Article info

Received:
16/02/2018
Accepted:
10/3/2018

Keywords:

The grapes of wrath;
novel; meaning; dialogue;
questions; answers.

Abstract

The grapes of wrath (1939) is one of John Steinbeck's best works. *The grapes of wrath* includes 30 chapters, reflecting the profound changes in United States around the early 20th century. This work contributed greatly to persuading the Swedish Academy to award the 1962 Nobel Prize for Literature for John Steinbeck's literary career. Why do we still study *The grapes of wrath*? That is the question of literary researchers in the 21st century. The attraction of the work is in Steinbeck's writing. In *The grapes of wrath*, John Steinbeck has created dialogue for the text. By combining genre reportage and novel, he dialogues with traditional literature about novel genre. In his opinion, the modern novels need to change. In *The grapes of wrath*, John Steinbeck also conducts dialogue on religious thought and history. The arguments of John Steinbeck in *The grapes of wrath* are as questions that have no answers. They force readers to study, explain, find meaning. So, *The grapes of wrath* is not a novel that proves history, it is a work that has many meanings, reflecting humanity.